

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS - PT  
Ngày 13 - 01 - 2022  
V/v; Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Long.

*Các Thẩm phán:* Ông Cầm Văn Thanh - Bà Đinh Thị Mai Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:** Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLPT - DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về; Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai bất động sản liền kề. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ - PT ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H (Phạm H), bà Trần Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, bà Lê Thị Vân A - Luật sư Công ty Luật TNHH Trường Sa, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 501, nhà A2, số 158 đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vì Thế D, bà Vũ Thị B. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị B: Ông Vì Đình Y. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vì Thị D. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T trình bày:*

Năm 1986, Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 hộ gia đình gồm hộ bà L; hộ ông T và bà Q; hộ ông T và bà A; hộ ông H và bà T; hộ ông D và bà B với chủ trương cấp đất cho cả 05 hộ gia đình mặt tiền thửa đất đều quay ra phía đường ngõ xóm. Đất của các hộ gia đình gồm phần diện tích phía trước là đất ở và một phần diện tích phía sau là ao nước. Tuy nhiên, chỉ có 03 hộ nhận đất quay ra phía đường ngõ xóm. Hộ gia đình ông H, bà T và hộ ông D, bà B đã tự nguyện thỏa thuận việc đổi đất cho nhau, cụ thể: Hộ ông D, bà B lấy phần diện tích đất phía ngoài giáp với đường ngõ xóm còn hộ ông H, bà T lấy phần diện tích đất phía bên trong. Việc chia đất dựa trên ngôi nhà tập thể (nhà lợp gianh vách đất), mỗi gia đình lấy 2,5 gian nhà. Hai bên không xác định ranh giới, mốc cắm đất cụ thể giữa hai thửa đất. Tại thời điểm thỏa thuận đổi đất, gia đình ông H và gia đình ông D không thỏa thuận ngõ đi của gia đình ông H. Do đất ở phía bên trong nên gia đình ông H đi qua phía trước nhà ông D để ra đường ngõ xóm. Đến năm 1990, gia đình ông D để phần đất phía sau nhà, giáp với đất của gia đình ông T, bà Q có chiều rộng là 2 m và chiều dài khoảng 16 m để gia đình ông H, bà T làm ngõ đi vào thửa đất của mình. Đến năm 1994 thì gia đình ông D, bà B lấy lại phần ngõ đi của gia đình ông H, bà T (ngõ đi ra đường ngõ xóm), nên gia đình ông H sử dụng ngõ đi trên diện tích đất của gia đình mình, giáp với bờ rào ao của gia đình ông D đi ra phía đường quốc lộ 37. Quá trình sử dụng đất gia đình ông D, bà B xây dựng công trình trên đất và tặng cho bà Vì Thị D một phần diện tích đất phía giáp đường quốc lộ 37, sau đó bà Vì Thị D cũng xây dựng công trình trên đất. Gia đình ông H, bà T cho rằng, trong quá trình xây dựng công trình trên đất gia đình ông D, bà B và gia đình bà D đã lấn sang một phần diện tích đất giáp ranh giữa hai bên gia đình vì căn cứ vào Trích lục bản đồ địa chính năm 2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông D, bà D cấp năm 2002 thì đường ranh giới đất giữa hai gia đình là đường thẳng trong khi thực tế sử dụng đất đường ranh giới lại cong gấp khúc, ngoài ra độ dài chiều ngang thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông D cũng như bà D đều nhỏ hơn so với thực tế. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông thì tại điểm mốc lộ giới 12 m tính từ tim đường, chiều rộng ngõ đi của gia đình ông là 3,3 m nên theo ông thì phần

diện tích ngõ tương ứng thuộc hành lang giao thông của gia đình ông cũng phải có chiều rộng là 3,3 m. Do đó, gia đình ông H yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông D phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm.

*Bị đơn là ông Vì Thế D và bà Vũ Thị B trình bày:*

Ông bà xác nhận thỏa thuận đổi đất giữa hai bên gia đình và việc sử dụng ngõ đi của gia đình ông H tính đến trước năm 1994 là đúng với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Còn từ năm 1994 đến nay, sau khi gia đình ông lấy lại phần diện tích ngõ đi ra đường ngõ xóm của ông H thì hai bên gia đình có thỏa thuận bằng lời nói với nội dung gia đình ông để phần diện tích đất có chiều rộng là 1 m và chiều dài bằng với chiều dài thửa đất, theo bờ ao của gia đình ông, đồng thời gia đình ông H tự để một phần diện tích đất của gia đình để làm ngõ cho gia đình ông H đi ra phía đường quốc lộ 37. Việc thỏa thuận ngõ đi chỉ tính từ mốc lộ giới vào phía trong, còn từ mốc lộ giới ra phía ngoài gia đình ông không thỏa thuận do phần đất này là đất thuộc hành lang giao thông, gia đình ông chỉ dành một phần diện tích đất hợp lý có chiều rộng là 1,5 m và chiều dài ra đến đường quốc lộ 37 để gia đình ông H làm ngõ đi như hiện nay. Ranh giới đất giữa hai gia đình có sự thay đổi từ năm 1994, do gia đình ông bớt phần diện tích đất để làm ngõ đi cho gia đình ông H. Ông D, bà B cho rằng phần diện tích ngõ đi có chiều rộng 1m, chiều dài ra đến quốc lộ 37 mà gia đình ông để làm ngõ đi cho gia đình ông H, bà T hiện nay đã thuộc diện tích đất của ông H, bà T. Gia đình ông chỉ xây dựng trên phần đất của mình, không lấn chiếm. Hơn nữa, năm 1986, gia đình ông xây dựng nhà thì gia đình ông H, bà T cũng biết nhưng không có ý kiến thắc mắc gì. Đến năm 2002, gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, hai bên gia đình không có tranh chấp, chỉ đến năm 2004 khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính thì gia đình ông H, bà T mới có tranh chấp. Do đó, gia đình ông D không nhất trí trả cho gia đình ông H phần diện tích đất theo như yêu cầu của ông H, bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vì Thị D trình bày:*

Bà xác nhận việc gia đình ông D, bà B tặng cho bà một phần diện tích đất giáp với quốc lộ 37, phần diện tích đất trên cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà chỉ xây dựng công trình trên diện tích đất của mình, không lấn chiếm sang đất của ông H, bà T nên không nhất trí trả cho gia đình ông D và bà B phần diện tích đất theo như yêu cầu của ông H, bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã xét xử và Quyết định: Căn cứ vào các Điều 265, 266 và Điều 267 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 50,

105, 107 của Luật đất đai 2003; Căn cứ khoản 1 Điều 147, các Điều 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Vì Thế D, bà Vũ Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vì Thị D trả 47m<sup>2</sup> đất giáp ranh.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 9/8/2021, nguyên đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Hộ ông Vì Văn D là người thực tế ở từ khi được cấp đất cho đến nay, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có sự đo vẽ về hình thể diện tích đất, ông D không có bất kỳ ý kiến với cơ quan có thẩm quyền do đó có sự lấn chiếm đất. Việc cấp đất cho hộ ông D sau đó ông D tách cho hộ bà D có vi phạm trong quá trình cấp đất nhưng được UBND huyện Phù Yên công nhận. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông H bà T không thể hiện có ngõ đi ra đường trong Kết luận số 565 của UBND huyện Phù Yên đã khẳng định diện tích hiện trạng là hoàn toàn đúng nhưng đã không xác định được mốc giới để làm cơ sở giải quyết cho hộ gia đình ông H bà Th có lối đi. Việc cấp GCNQSDĐ cho bị đơn là không đúng quy định của pháp luật, không thể hiện đất liền kề, bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2004 chỉ có tên ông D mà không có tên bà D. Trong đơn khởi kiện ông H và bà T khởi kiện cả bà D, cấp sơ thẩm xác định sai tư cách của bà D tham gia tố tụng, vai trò của bà D được xác định theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật TTDS. Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm số 03: DS - ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, năm 1985 UBND huyện Phù Yên đo đạc, đến năm 1986 thì cấp đất cho các hộ nhưng không có giấy tờ. Bị đơn xây nhà với diện tích nhỏ hơn trong GCNQSDĐ được cấp năm 2002 từ năm 1986 nhưng không có ý kiến gì. Việc cấp GCNQSDĐ cho bị đơn là không đúng quy định của pháp luật, không thể hiện đất liền kề, bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2004 chỉ có tên ông D mà không có tên bà D, không căn cứ vào kết quả đo đạc của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phù Yên ngày 22/10/2020 để xét xử là không đúng theo quy định, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Không đồng ý với ý kiến tranh luận của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa qua tranh luận, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T là người cao tuổi đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn H bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất ranh giới bị lấn chiếm của nguyên đơn. Bị đơn ông Vì Văn D bà Vũ Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 9/8/2021 nguyên đơn ông Phạm Văn H bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo thực hiện đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đơn yêu cầu khởi kiện ngày 27/07/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Vì Thị D tham gia tư cách tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn tại cấp sơ thẩm đề nghị đưa ông Chăm Xuân C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy, diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông H và ông D nằm dọc theo phần đất của ông D và bà D, không liên quan đến phần diện tích đất của

ông C. Do đó, không có căn cứ để đưa ông C vào tham gia tố tụng. Đối với tranh chấp về nương nước và yêu cầu được sử dụng phần nương nước của nguyên đơn không thuộc nội dung vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Tại biên bản đối chất ngày 22/6/2021 giữa ông H, bà T và ông D, bà D, các đương sự đều xác định diện tích đất được UBND huyện đo đạc vào năm 1985, đến năm 1986 thì thực hiện việc cấp đất cho 5 hộ gia đình là nhà ông H, ông D, nhà ông Quang C, nhà Tâm Đ và bà L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, tại hồ sơ cấp đất cho hộ gia đình ông H, ông D do UBND huyện Phù Yên cung cấp không thể hiện quyết định cấp đất cho các hộ gia đình vào năm 1986. Theo lời khai của các đương sự, mỗi hộ được cấp một thửa đất có chiều rộng mặt đường xóm là 10m. Tuy nhiên hộ ông H và ông D lại đổi đất cho nhau. Hộ ông H nhận đất phía sau của đường xóm và nhường lại 10m mặt đường xóm cho hộ gia đình ông D. Việc đổi đất căn cứ vào ngôi nhà tập thể, mỗi gia đình lấy 2,5 gian nhà, không tiến hành đo đạc. Đến năm 2002, gia đình ông D làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì có làm thủ tục tặng cho một phần diện tích đất cho bà D. Gia đình ông D, bà D đã được cấp GCNQSDĐ số 560 và 561 ngày 4/2/2002 với diện tích lần lượt là 284,8m<sup>2</sup> và 281,2m<sup>2</sup> tại Khối 2, thị trấn Phù Yên. Đến năm 2006, gia đình ông H mới được cấp GCNQSDĐ với tổng diện tích đất là 692,3m<sup>2</sup>.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất: Sau khi được cấp đất, hai hộ ông D và ông H cùng nhau thỏa thuận với nhau ngõ để đi vào hộ ông H là đi qua đất nhà ông D. Đến năm 1990, ông D để lại diện tích đất với chiều rộng là 02m, chiều dài là 16m là đất khoảng trống nằm giữa đất gia đình ông bà Quang C và gia đình ông D làm ngõ đi cho ông H. Hiện tại, phần đất này ông bà Quang C vẫn đang sử dụng làm sân trước nhà, không có sự thay đổi về mốc giới. Việc hai hộ đổi đất cũng như thỏa thuận ngõ đi đều không được lập thành văn bản. Năm 1986, gia đình ông D đã xây nhà kiên cố hết phần đất của mình, năm 1990 thì xây tường bao chạy dọc làm ranh giới. Từ sau năm 1994, gia đình ông D lấy lại ngõ đi ra đường xóm thì gia đình ông H sử dụng ngõ đi ra hướng đường Quốc lộ 37, men theo bờ rào ao của gia đình ông D. Năm 2002, khi bà D nhận chuyển nhượng tặng cho đất từ ông D, đã tiến hành xây dựng công trình trên đất nằm trong bờ rào tường có sẵn là đường bờ ao cũ. Các hộ gia đình sử dụng đất ổn định lâu dài, không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2004, khi Nhà nước tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính và khi được cấp GCNQSDĐ năm 2006 thì gia đình ông H thấy đường ranh giới giữa hai gia đình là một đường thẳng không đúng với thực tế nên mới xảy ra tranh chấp.

[2.3] Cấp sơ thẩm đã tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất của ông D, bà D và phân kéo dài theo đường thẳng chạy dọc đất của ông D, bà D để xác định phần đất lấn chiếm theo đơn khởi kiện của ông H là 47m<sup>2</sup>. Do vậy, đối với kháng cáo của ông H cấp sơ thẩm không căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 22/10/2020 là không có căn cứ để chấp nhận. Theo kết quả đo đạc ngày 22/10/2020, tổng diện tích thực tế nhà ông H đang sử dụng từ S1 đến S7 là 844,8m<sup>2</sup>, lớn hơn diện tích được cấp theo GCNQSDĐ được cấp năm 2006. Sơ đồ hình thể thửa đất ông H được cấp thì phần tiếp giáp đất ông D là những đường gấp khúc. Đối với bản đồ địa chính được lập năm 2004 cũng như sơ đồ hình thể thửa đất được cấp cho ông D, bà D có sự sai lệch và không đúng là do việc đo vẽ, tính toán bằng máy điện tử và thủ công, đã được kiểm tra tại kết luận số: 565/KL - UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện Phù Yên. Căn cứ vào quá trình sử dụng đất, hiện trạng đất, các bên đã sử dụng ổn định lâu dài, không có căn cứ để xác định gia đình ông D bà B lấn chiếm đất.

Từ những phân tích nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí: Do ông Phạm Văn H, bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào các Điều 265, 266 và Điều 267 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50, 105, 107 của Luật đất đai 2003; Khoản 1 Điều 147, các Điều 155, 156, 157, 158, 163, 164, 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Vì Thế D, bà Vũ Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vì Thị D trả 47m<sup>2</sup> đất giáp ranh.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông phạm Văn H bà Trần Thị T phải chịu số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp, trả lại ông H bà T 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (ông H bà T đã nộp đủ chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ).

3. Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 3994, ngày 20/7/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn H và bà Trần Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2022).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup>, 7<sup>b</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân huyện Phù Yên;
- TAND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Tuấn Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mai Lan**

**Cầm Văn Thanh**

**Đỗ Tuấn Long**



